

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**  
Số: 105/VIFON JSC/2023

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON**

Địa chỉ: 913 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 028. 38153947 – 38153933

Fax: 028. 38153059

Email: vifon@vifon.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 1101171437

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: ..... Ngày cấp/Nơi cấp: .....

**II. Thông tin sản phẩm**

1. Tên sản phẩm: **MÌ TRẼ EM**

2. Thành phần:

**Thành phần:** Mì vụn (bột mì (77 %), dầu cọ (dầu cọ, chất chống oxy hóa: tocopherol concentrat (dạng hỗn hợp)), bột khoai mì, chất ổn định (1420, kali carbonat, pentanatri triphosphat, gôm gua), muối ăn, đường tinh luyện, bột nghệ, chất tạo xốp (natri carbonat)), đường tinh luyện xay, đường glucose, chất điều vị (mononatri L- glutamat), bột ớt, muối ăn, bột nước tương, bột tỏi, chất tạo ngọt tổng hợp (950, 951).

**Sản phẩm có chứa: Bột mì, đậu nành.**

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 06 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

**Quy cách đóng gói:** Khối lượng tịnh: 20 g/gói.

**Chất liệu bao bì:** Sản phẩm được bao gói trong bao bì OPP/PP với lớp bên trong là PP hoặc bao bì OPP/MCPPP với lớp bên trong là MCPPP, lớp bao bì bên trong phù hợp quy định bao bì tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

\* Bao bì ngoài: Sản phẩm sau khi được bao gói được xếp vào thùng giấy.



5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất:

Sản xuất tại: Xem cạnh ngày sản xuất:

**- A: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ THỰC PHẨM VIỆT NAM**

Địa chỉ: 913 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

(Số chứng nhận đăng ký HACCP số: TNV178170135. Ngày cấp/Nơi cấp: 23/03/2023/ Công ty TNHH TUV NORD Việt Nam).

**- B: CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON – CHI NHÁNH HẢI DƯƠNG**

Địa chỉ: Lô đất CN8- KCN Tân Trường, X. Tân Trường, H. Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

(Số Giấy chứng nhận TCVN ISO 22000:2018/ISO 22000:2018: HA 508/1.22.CIV. Ngày cấp/Nơi cấp: 24/07/2022/Tổng cục Đo lường chất lượng- Trung tâm chứng nhận phù hợp (Quacert)).

**III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm)**

Nội dung ghi nhãn phù hợp theo:

- Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa
- Nghị định 111/2021/NĐ-CP- Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quyết định 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm, phần 6: Giới hạn vi sinh vật trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	CFU/g	10 <sup>4</sup>
2	Coliforms	CFU/g	10
3	<i>Escherichia coli</i>	CFU/g	3
4	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/g	10



5	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/g	10
6	<i>Bacillus cereus</i>	CFU/g	10
7	Tổng số bào tử nấm men – nấm mốc	CFU/g	10 <sup>2</sup>

- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	0.2
2	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	0.2

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin B1	µg/kg	2.0
2	Aflatoxin tổng số	µg/kg	4.0
3	Orchratoxin A	µg/kg	3.0

- Thông tư 50/2016/TT-BYT: Thông tư quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

- Thông tư số 24/2019/TT-BYT: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

- Nghị định 15/2018/NĐ-CP: Nghị định về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.

- Yêu cầu kỹ thuật và tiêu chuẩn của nhà sản xuất:

1. Các chỉ tiêu cảm quan:

Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1. Trạng thái sản phẩm	Vắt mì vụn lẫn gia vị, tương đối khô, tơi rời, không ẩm, không bết dính, vắt mì giòn.
3. Mùi vị của sản phẩm	Mùi thơm của vắt mì xen lẫn mùi thơm ấm của gia vị, vị ngọt mặn và cay nhẹ đặc trưng của sản phẩm mì trẻ em. Không có mùi ôi, không có vị lạ.
5. Tạp chất	Không có cát sạn hoặc tạp chất lạ, không lẫn kim loại.



2. Các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Độ ẩm gói mì	g / 100g	$\leq 7.0$
3	Hàm lượng tro không tan trong HCl	g / 100g	$\leq 0.1$
4	Hàm lượng muối ăn (NaCl)	g / 100g	$\leq 3.8$
5	Chỉ số peroxide gói mì	meqO <sub>2</sub> /kg	$\leq 20.0$
6	Chỉ số acid gói mì	mg KOH/g	$\leq 2.0$
7	Hàm lượng protein cả gói	g / 100g	6.3 – 11.5
8	Hàm lượng béo tổng	g / 100g	15.0 – 22.4
9	Hàm lượng carbohydrate cả gói	g / 100g	53.9 – 80.5
10	Năng lượng	kcal/100g	376 - 570

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 06 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN *chữ*



**CHỦ TỊCH**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

*Bùi Phương Mai*





**NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN**  
**MÌ TRẼ EM**

**Thành phần:**

Mì vụn (bột mì (77 %), dầu cọ (dầu cọ, chất chống oxy hóa: tocopherol concentrat (dạng hỗn hợp)), bột khoai mì, chất ổn định (1420, kali carbonat, pentanatri triphosphat, gôm gua), muối ăn, đường tinh luyện, bột nghệ, chất tạo xốp (natri carbonat)), đường tinh luyện xay, đường glucose, chất điều vị (mononatri L- glutamat), bột ớt, muối ăn, bột nước tương, bột tỏi, chất tạo ngọt tổng hợp (950, 951).

**Sản phẩm có chứa: Bột mì, đậu nành**

**Khối lượng tịnh:** 20g

**Hướng dẫn sử dụng:**

- Lắc đều trước khi mở bao và sử dụng ngay.

**Đối tượng sử dụng:** Cho mọi đối tượng trên 3 tuổi

**Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản nơi khô và mát tránh ánh nắng mặt trời.

**Thông tin cảnh báo:** Không dùng sản phẩm hết hạn sử dụng. Không sử dụng đối với người có khả năng miễn cảm hoặc dị ứng với các thành phần trong sản phẩm

**NSX:** xem trên bao bì

**HSD:** 06 tháng kể từ ngày sản xuất

**SẢN PHẨM CHẤT LƯỢNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON**

913 Trường Chinh, P. Tây Thạnh, Q.Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

E-mail: [vifon@vifon.com.vn](mailto:vifon@vifon.com.vn)

Website: [www.vifon.com.vn](http://www.vifon.com.vn)

**Xuất xứ:** Sản xuất tại Việt Nam

**Sản xuất tại:** xem cạnh ngày sản xuất

**A: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ THỰC PHẨM VIỆT NAM**

913 Trường Chinh, P. Tây Thạnh, Q.Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tel: 84.28.38153947 Fax: 84.28.38153059

**B: CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON – CHI NHÁNH HẢI DƯƠNG**

Lô đất CN8 KCN Tân Trường, X. Tân Trường, H. Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Tel: 84.0220.3570660

*ch*





## NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

### MÌ TRẼ EM

### SNACK NOODLES FOR CHILDREN

#### Thành phần:

Mì vụn (bột mì (77 %), dầu cọ (dầu cọ, chất chống oxy hóa: tocopherol concentrat (dạng hỗn hợp)), bột khoai mì, chất ổn định (1420, kali carbonat, pentanatri triphosphat, gôm gua), muối ăn, đường tinh luyện, bột nghệ, chất tạo xốp (natri carbonat)), đường tinh luyện xay, đường glucose, chất điều vị (mononatri L- glutamat), bột ớt, muối ăn, bột nước tương, bột tỏi, chất tạo ngọt tổng hợp (950, 951).

**Sản phẩm có chứa: Bột mì, đậu nành**

#### Ingredients:

Crumbled noodles (wheat flour (77 %), palm fat (palm fat, antioxidant: tocopherol concentrate, mixed), tapioca, stabilisers (INS 1420, potassium carbonate, pentasodium triphosphate, guar gum), salt, sugar, turmeric, raising agent (sodium carbonates)), milled sugar, glucose, flavor enhancer (monosodium L- glutamate), chilli powder, salt, soy sauce powder, garlic powder, artificial sweeteners (INS 950, INS 951).

**Contains: Wheat, soybeans.**

**Khối lượng tịnh: 20g**

#### Hướng dẫn sử dụng/Directions:

- Lắc đều trước khi mở bao và sử dụng ngay.
- Shake regularly before opening the bag.

**Đối tượng sử dụng:** Cho mọi đối tượng trên 3 tuổi

**Hướng dẫn bảo quản/Storage conditions:** Bảo quản nơi khô và mát tránh ánh nắng mặt trời/Keep in dry and cool place, avoid direct sunlight.

**Thông tin cảnh báo:** Không dùng sản phẩm hết hạn sử dụng. Không sử dụng đối với người có khả năng miễn cảm hoặc dị ứng với các thành phần trong sản phẩm

**NSX (MFG) :** xem trên bao bì

**HSD (EXP) :** 06 tháng kể từ ngày sản xuất

#### SẢN PHẨM CHẤT LƯỢNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON

913 Trường Chinh, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

E-mail: [vifon@vifon.com.vn](mailto:vifon@vifon.com.vn)

Website: [www.vifon.com.vn](http://www.vifon.com.vn)

**Xuất xứ:** Sản xuất tại Việt Nam

**Sản xuất tại:** xem cạnh ngày sản xuất

#### A: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ THỰC PHẨM VIỆT NAM

913 Trường Chinh, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tel: 84.28.38153947 Fax: 84.28.38153059

#### B: CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON – CHI NHÁNH HẢI DƯƠNG

Lô đất CN8 KCN Tân Trường, X. Tân Trường, H. Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Tel: 84.0220.3570660

*chul*





For Today Since 1963

**VIFON CAM KẾT KHÔNG SỬ DỤNG PHẠM MÀU TỔNG HỢP**

## SNACK NOODLES FOR CHILDREN

### INGREDIENT:

Crumbled noodles (wheat flour (77 %), palm fat (palm fat, antioxidant: tocopherol concentrate, mixed), tapioca, stabilisers (INS 1420, potassium carbonate, pentasodium triphosphate, guar gum), salt, sugar, turmeric, raising agent (sodium carbonates)), milled sugar, glucose, flavor enhancer (monosodium L-glutamate), chilli powder, salt, soy sauce powder, garlic powder, artificial sweeteners (INS 950, INS 951).

Contains: Wheat, soybeans.

### CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG CHO 1 GÓI 20 g NUTRITION INFORMATION

Giá trị năng lượng	75 kcal - 114 kcal
Chất đạm	1.3 g - 2.3 g
Chất béo	3.0 g - 4.5 g
Carbohydrate	10.8 g - 16.1 g

**Thông tin cảnh báo:** Không dùng sản phẩm hết hạn sử dụng. Không sử dụng đối với người có khả năng miễn cảm hoặc dị ứng với các thành phần trong sản phẩm.

Tư vấn khách hàng

1800 1097

Kết nối với chúng tôi tại:  
[www.facebook.com/VifonVietnam](http://www.facebook.com/VifonVietnam)



Luôn Vị Hóm Này Từ 1963

## Snack noodles MÌ TRẺ EM



KHỐI LƯỢNG TỊNH (N.W): 20 g



**VIFON VỊ NGON CHUẨN VIỆT**

### THÀNH PHẦN:

Mì vụn (bột mì (77 %), dầu cọ (dầu cọ, chất chống oxy hóa: tocopherol concentrat (dạng hỗn hợp)), bột khoai mì, chất ổn định (1420, kali carbonat, pentanatri triphosphat, gôm gua), muối ăn, đường tinh luyện, bột nghệ, chất tạo xốp (natri carbonat)), đường tinh luyện xay, đường glucose, chất điều vị (mononatri L- glutamat), bột ớt, muối ăn, bột nước tương, bột tỏi, chất tạo ngọt tổng hợp (950, 951).

Sản phẩm có chứa: Bột mì, đậu nành.

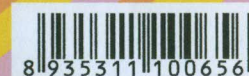
### Hướng dẫn sử dụng / Directions:

- Lắc đều trước khi mở bao và sử dụng ngay.
- Shake regularly before opening the bag.

Đời tượng sử dụng: cho mọi đối tượng trên 3 tuổi.

Bảo quản nơi khô và mát tránh ánh nắng mặt trời. Keep in dry and cool place, avoid direct sunlight.

Số TCB: 105/VIFON JSC/2023



MADE IN VIETNAM / SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM

SẢN PHẨM CHẤT LƯỢNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON:  
913 Trường Chinh, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.  
E-mail: [vifon@vifon.com.vn](mailto:vifon@vifon.com.vn) Website: [www.vifon.com.vn](http://www.vifon.com.vn)

Sản xuất tại: xem cạnh ngày sản xuất

**A: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ THỰC PHẨM VIỆT NAM**  
913 Trường Chinh, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.  
Tel: 84.28.38153947 Fax: 84.28.38153059

**B: CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON - CHI NHÁNH HẢI DƯƠNG**  
Lô 41 CN8 KCN Tân Trường, X. Tân Trường, H. Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.  
Tel: 84.0220.3570660

NSX (MFG): Xem trên bao bì

HSD (EXP): 6 tháng kể từ ngày sản xuất

CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON CAM KẾT CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ NỘI DUNG GHI NHÃN BẰNG TIẾNG NƯỚC NGOÀI TƯƠNG ỨNG VỚI NỘI DUNG TIẾNG VIỆT.

*Handwritten signatures*



## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu :	743-2022-00152914	
Mã số kết quả :	AR-22-VD-159518-02-VI / EUVNHC-00196171	

<b>Công ty cổ phần VIFON</b> 913 TRƯỜNG CHINH, PHƯỜNG TÂY THẠNH, QUẬN TÂN PHÚ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, Việt Nam
---

Tên mẫu :	MÌ TRẺ EM
Tình trạng mẫu :	Mẫu đựng trong bao bì kín
Ngày nhận mẫu :	16/12/2022
Thời gian thử nghiệm :	16/12/2022 - 23/12/2022
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :	24/12/2022
Mã số PO của khách hàng :	NA9J221216321-HN

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VW019 VW (a) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=10)
2	VW00G VW (a) <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/ g	ISO 6888-1:2021	Không phát hiện (LOD=10)
3	VW014 VW (a) <i>Clostridium perfringens</i>	cfu/ g	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)	Không phát hiện (LOD=10)
4	VW015 VW (a) <i>Coliforms</i>	cfu/ g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	Không phát hiện (LOD=10)
5	VW025 VW (a) <i>Bacillus cereus</i>	cfu/ g	AOAC 980.31	Không phát hiện (LOD=10)
6	VW012 VW (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ g	TCVN 4884-1: 2015 (ISO 4833-1:2013); TCVN 4884-2:2015 (ISO 4833-2:2013)	9.5x10 <sup>3</sup>
7	VW0AA VW Tổng số bào tử nấm men & nấm mốc	cfu/ g	N79-R-RD2-TP-9637/9633 (Ref. TCVN 8275-1:2010; TCVN 8275-2:2010)	Không phát hiện (LOD=10)
8	VD543 VD Năng lượng	kcal/ 100 g	FAO 2003 77	479
9	VW0A2 VW Carbohydrates	g/ 100 g	AOAC 986.25	66.3
10	VW062 VW (a) Béo	%	TCVN 6555:2017 (ISO 11085:2015)	19.5
11	VW065 VW (a) Đạm	%	TCVN 8125:2015 (ISO 20483:2013)	9.48
12	VW0AD VW (a) Độ ẩm	%	TCVN 7879:2008	1.27
13	VD115 VD (a) Tro không tan trong acid HCl 10%	%	EVN-R-RD-2-TP-3535 (2019) (Ref. AOAC 920.46)	Không phát hiện (LOD=0.01)
14	VD2EP VD Chỉ số acid	mg KOH/ g fat	TCVN 7879:2008 (Codex stan 249:2006)	0.65
15	VD1YY VD (a) Chỉ số peroxyt	meq/ kg	EVN-R-RD-2-TP-3623	Không phát hiện (LOD=0.013)
16	VW067 VW (a) Ochratoxin A	µg/ kg	N79-R-RD1-TP-9395 (Ref. TCVN 12599:2018; EN 16007:2011)	Không phát hiện (LOD=0.5)
17	VW068 VW (a) Aflatoxin B1	µg/ kg	TCVN 7596:2007 (ISO 16050:2003)	Không phát hiện (LOD=0.5)



## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
18	VW068 VW (a) <b>Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)</b>	µg/ kg	TCVN 7596:2007 (ISO 16050:2003)	Không phát hiện (LOD=0.5)
19	VW07V VW <b>Muối (NaCl)</b>	%	N79-R-RD1-TP-17839 (Ref. TCVN 3701:2009)	<b>2.90</b>
20	VW072 VW (a) <b>Chì (Pb)</b>	mg/ kg	N79-R-RD1-TP-12629 (Ref. AOAC 2015.01)	Không phát hiện (LOD=0.017)
21	VW073 VW (a) <b>Cadimi (Cd)</b>	mg/ kg	N79-R-RD1-TP-12629 (Ref. AOAC 2015.01)	Không phát hiện (LOD=0.01)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên



Trần Thị Mỹ Dung  
Giám đốc Chi nhánh Hà Nội



Lý Hoàng Hải  
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 23/02/2023

### Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.  
 Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.  
 Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.  
 Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sacs Ký Hải Đăng xây dựng.  
 "VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sacs Ký Hải Đăng. (a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.  
 "VW": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm CN CT TNHH Eurofins Sacs Ký Hải Đăng tại Hà Nội. (a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.  
 (\*Kết quả này thay cho kết quả số AR-22-VD-159518-01/743-2022-00152914, xuất ngày 09/01/2023; bản kết quả cũ sẽ bị hủy.)

